

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khải H

Bà Phạm Kim N

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích V.

Địa chỉ cư trú: khu vực 1, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn S.

Địa chỉ cư trú: khu vực 6, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V trình bày: Bà Nguyễn Thị Bích V và ông Phạm Văn S kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ khoảng thời gian đó ông S ít quan tâm

gia đình, ít chăm sóc vợ con, đến thời điểm năm 2012 thì ông Sự càng không lo lắng cho gia đình, đi làm không đem tiền về phụ bà Vân nuôi con, đến năm 2016 thì ông Sự đã bỏ nhà đi và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được nữa, nên bà Vân khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Sự. Về con chung: bà Vân yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Ngọc Hiên, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Hồng Hiên, sinh ngày 11/12/2012 do trước giờ hai cháu sống chung với bà Vân để đi học, không yêu cầu ông Sự cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Phạm Văn S tính từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử chưa một lần chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng chưa thể hiện ý kiến của mình bằng văn bản về tranh chấp trong vụ án.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được: không.

Những nội dung mà các đương sự không thống nhất thỏa thuận được:

- Bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn S, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Ngọc Hiên, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Hồng Hiên, sinh ngày 11/12/2012. Ông Phạm Văn S chưa thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Bích Vân khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn S. Do đó đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đối với ông Phạm Văn S dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn S.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Bích V và ông Phạm Văn S kết hôn vào năm 2001, hiện tại ông, bà đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của bà Vân và ông Sự được công nhận là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Vân, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình chung sống trong thời kỳ hôn nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Sự không quan tâm chăm sóc vợ con, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ năm 2016 cho đến nay do ông Sự bỏ nhà đi nơi khác nên vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau nữa. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia

đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Đối chiếu quy định nêu trên với trường hợp của bà Vân và ông Sự cho thấy ông bà đã không còn yêu thương nhau nữa, biểu hiện qua việc vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay, nên vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong việc thực hiện các công việc hàng ngày, từ đó dẫn đến hậu quả là làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà Vân cương quyết yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giải quyết cho bà Vân được ly hôn với ông Sự.

[3] Xét yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của bà Vân, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình chung sống bà Vân và ông Sự có 02 con chung tên Phạm Ngọc Hiền, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Hồng Hiền, sinh ngày 11/12/2012, từ trước đến nay 02 cháu sống chung với bà Vân, theo nguyện vọng của cháu Hiền sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ, còn cháu Hiền hiện nay còn rất nhỏ cần hơn sự chăm sóc của mẹ. Mặt khác, bà Vân hiện nay có nghề nghiệp và thu nhập tương đối ổn định, có khả năng nuôi dưỡng 02 con chung. Sau khi cân nhắc việc đảm bảo quyền lợi của 02 cháu Phạm Hồng Hiền và Phạm Ngọc Hiền sau khi cha mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và giáo dục cộng với tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định giao cháu Phạm Ngọc Hiền và cháu Phạm Hồng Hiền cho bà Vân được quyền trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Phạm Văn S chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung do bà Vân chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Bích V trình bày không có, nên không tranh chấp, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét hai vấn đề nêu trên.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị Bích V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo mức án phí không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V. Bà Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với ông Phạm Văn S.

2. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Bích V quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Ngọc Hiền, sinh ngày 18/5/2007 (giới tính: Nam) và Phạm Hồng Hiền, sinh ngày 11/12/2012 (giới tính: Nam). Ông Phạm Văn S chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Bích V chưa yêu cầu. Ông Phạm Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012558 ngày 31/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khải H – Phạm Kim N

Nguyễn Hữu B